

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2021/HS-PT
Ngày 13-9-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến.

Các Thẩm phán:

+ Ông **Trần Tuấn Vũ**;

+ Bà **Nguyễn Thị An Tiên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Việt** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 130/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Đức Đ; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 62/2021/HS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo kháng cáo:

Phạm Đức Đ (tên gọi khác: D), sinh năm 1992 tại tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú hiện nay: xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971; vợ: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1994; con: 01 người; tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/11/2020, tạm giam ngày 04/12/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo không kháng cáo và không bị kháng nghị:

Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Ngọc L không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào khoảng tháng 10/2019, Phạm Đức Đ (tên thường gọi là Đ) cùng anh vợ là Nguyễn Ngọc L mang theo 200.000.000 đồng từ tỉnh Ninh Bình đến thuê nhà nguyên căn tại xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để làm vốn cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Đầu tiên, các bị cáo in nhiều tờ rơi “CHO VAY TRẢ GÓP” có kèm số điện thoại của cá nhân để liên hệ rồi đem rải ở các khu vực đông dân cư trên địa bàn huyện Châu Thành, thành phố Tây Ninh, thị xã Hòa Thành nhằm quảng cáo cho những người có nhu cầu cần vay tiền biết. Sau đó, Đ và L tự bỏ tiền của mình ra cho vay riêng. Khi người có nhu cầu vay tiền điện vào số điện thoại của Đ hoặc L, thì các bị cáo tự mình hẹn gặp trực tiếp để nói chuyện, tìm hiểu về nơi ở, điều kiện trả nợ rồi quyết định việc cho vay. Khi cho vay tiền, các bị cáo sẽ ghi họ tên, địa chỉ người vay, số tiền vay, số ngày trả, số tiền trả góp mỗi ngày vào sổ gọi là “Sổ thu tiền vay” để quản lý. Hình thức cho vay là “vay trả góp” theo ngày bao gồm tiền gốc và tiền lãi hoặc là “vay nóng” (tiền đúng) trả lãi hàng ngày. Theo thỏa thuận, lãi suất cho vay đối với hình thức trả góp là 365%/năm (gấp 18,25 lần lãi suất quy định) đối với thời hạn 25 ngày; lãi suất 282,6%/năm (gấp 14,13 lần lãi suất quy định) đối với thời hạn 31 ngày; đối với vay nóng, nếu vay 1.000.000 đồng thì mức lãi suất từ 5.000 đồng đến 20.000 đồng/ngày, tương đương 182,5%/năm đến 720%/năm (gấp từ 9,125 lần đến 36,5 lần lãi suất quy định). Khi nhận tiền, các bị cáo đến nhà người vay hoặc điện thoại đến điểm hẹn để nhận. Nếu người vay tiền chậm trả hoặc không còn khả năng trả thì Đ, L điện thoại hoặc gặp trực tiếp để chửi bới, xúc phạm nhưng không dùng vũ lực. Đến khoảng đầu tháng 10/2020, Hoàng Văn P là cậu của Đ vào ở chung và theo Đ để làm quen đường đi, học cách thức cho vay tiền. Đến ngày 16/10/2020, P tự mình đứng ra cho nhiều người vay tiền với hình thức cho vay tương tự như Đ và L.

Vào ngày 12/10/2020, Võ Ngọc D có nhu cầu vay 250.000.000 đồng theo hình thức “vay nóng”, lãi suất 15.000 đồng/triệu/ngày (lãi suất 1,5%/ngày, tương đương 547,5%/năm, gấp 27,375 lần lãi suất quy định), Đ đồng ý. Do số tiền lớn, Đ bỏ ra 150.000.000 đồng, rủ L bỏ ra số tiền 100.000.000 đồng cho bà D vay. Sau đó, Đ và L lấy trước 3.500.000 đồng tiền phí đi thu (tiền phí) và 75.000.000 đồng tiền lãi suất, đưa cho bà D số tiền 171.500.000 đồng. Đến ngày 19/11/2020, do hết khả năng trả nợ, bà D tiếp tục “vay nóng” của Đ số tiền 800.000.000 đồng, lãi 5.000 đồng/triệu/ngày (lãi suất 0,5%/ngày, tương đương 182,5%/năm, gấp 9,125 lần lãi suất quy định). Lúc này, Đ rủ L tiếp tục hùn tiền cho bà D vay, nhưng L không đồng ý tham gia nên một mình Đ cho vay và lấy trước 40.000.000 đồng tiền lãi suất của 10 ngày đồng thời trừ đi số tiền gốc, lãi suất của lần vay ngày 12/10/2020 là 600.000.000 đồng, còn lại 160.000.000 đồng đưa cho bà D. Như vậy, tổng số tiền thu lợi bất chính đợt vay vào ngày 12/10/2020 là Đ thu lợi 82.208.904 đồng, L thu

lợi 54.972.603 đồng, tổng cộng là 137.181.507 đồng; ngày 19/11/2020, Đ thu lợi 35.616.438 đồng.

Ngoài ra các bị cáo đã tự mình cho vay nhiều người trên địa bàn thị xã Hòa Thành, thành phố Tây Ninh, huyện Châu Thành và huyện Tân Châu như sau:

Đối với bị cáo Phạm Đức Đ: Từ khi cho vay đến ngày 25/11/2020, Đ đã cho 42 người trên địa bàn thị xã Hòa Thành, thành phố Tây Ninh, huyện Châu Thành, huyện Tân Châu vay với tổng số tiền cho vay là: 2.429.000.000 đồng, thu lợi bất chính 576.973.791 đồng (trong đó tiền lãi suất trái phép là 538.323.791 đồng, tiền phí 38.650.000 đồng).

Trên địa bàn thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh:

Đ cho 17 người vay với tổng số tiền 1.852.000.000 đồng và tùy trường hợp, Đ thu tiền phí mỗi lần vay tiền, từ 150.000 đồng đến 3.500.000 đồng hoặc không thu phí. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 449.847.733 đồng (trong đó tiền lãi 425.497.733 đồng, tiền phí 24.350.000 đồng), những người vay tiền của Đ bao gồm:

1. Bà Võ Ngọc D vay tiền đứng và tiền góp tổng cộng 16 lần, mỗi lần vay từ 20.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng, tổng số tiền đứng và tiền góp là 1.690.000.000 đồng. Theo quy định bà D phải trả cho bị cáo tiền vốn 1.690.000.000 đồng và tiền lãi 19.189.041 đồng, bà D đã trả được 1.360.150.000 đồng (trong đó tiền vốn là 1.344.150.000 đồng, tiền phí là 16.000.000 đồng), đối với khoản tiền vay đứng 800.000.000 đồng thì bà D chưa trả cho bị cáo. Như vậy, bà D còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 329.850.000 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị A vay tiền góp 02 lần, một lần vay 3.000.000 đồng và một lần vay 5.000.000 đồng, tổng số tiền góp là 8.000.000 đồng. Theo quy định bà A phải trả cho bị cáo tiền vốn 8.000.000 đồng và tiền lãi 126.027 đồng, bà A đã trả được 7.750.000 đồng (trong đó tiền vốn là 7.350.000 đồng, tiền phí là 400.000 đồng). Như vậy, bà A còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 250.000 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị A1 vay tiền góp 01 lần 5.000.000 đồng. Theo quy định bà A1 phải trả cho bị cáo tiền vốn 5.000.000 đồng và tiền lãi 27.397 đồng, bà A1 đã trả được 2.250.000 đồng (trong đó tiền vốn là 2.000.000 đồng, tiền phí là 250.000 đồng). Như vậy, bà A1 còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 2.750.000 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị C vay tiền góp 03 lần, mỗi lần vay 10.000.000 đồng, tổng số tiền góp là 30.000.000 đồng. Theo quy định bà C phải trả cho bị cáo tiền vốn 30.000.000 đồng và tiền lãi 427.397 đồng, bà C đã trả được 32.800.000 đồng (trong đó tiền vốn là 31.200.000 đồng, tiền phí là 1.600.000 đồng). Như vậy, bị cáo phải trả lại cho bà C 2.800.000 đồng.

5. Bà Phạm Thị L vay tiền góp 02 lần, một lần vay 3.000.000 đồng và một lần vay 5.000.000 đồng, tổng số tiền góp là 8.000.000 đồng. Theo quy định bà L phải trả cho bị cáo tiền vốn 8.000.000 đồng và tiền lãi 98.082 đồng, bà L đã trả được 7.900.000 đồng (trong đó tiền vốn là 7.400.000 đồng, tiền phí là 500.000 đồng). Như vậy, bà L còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 100.000 đồng.

6. Bà Võ Thị Ngọc G vay tiền góp 01 lần 8.000.000 đồng. Theo quy định bà G phải trả cho bị cáo tiền vốn 8.000.000 đồng và tiền lãi 131.507 đồng, bà G đã trả được 9.200.000 đồng (trong đó tiền vốn là 9.000.000 đồng, tiền phí là 200.000 đồng). Như vậy, bị cáo phải trả lại cho bà G 1.200.000 đồng.

7. Bà Huỳnh Thị Kim L1 vay tiền góp 03 lần, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, tổng số tiền góp là 9.000.000 đồng. Theo quy định bà L1 phải trả cho bị cáo tiền vốn 9.000.000 đồng và tiền lãi 111.781 đồng, bà L1 đã trả được 10.800.000 đồng (trong đó tiền vốn là 10.200.000 đồng, tiền phí là 600.000 đồng). Như vậy, bị cáo phải trả lại cho bà L1 là 1.800.000 đồng.

8. Bà T vay tiền góp 05 lần, mỗi lần vay 20.000.000 đồng, tổng số tiền góp là 100.000.000 đồng. Theo quy định bà T phải trả cho bị cáo tiền vốn 100.000.000 đồng và tiền lãi 1.490.411 đồng, bà T đã trả được 111.600.000 đồng (trong đó tiền vốn là 108.800.000 đồng, tiền phí là 2.800.000 đồng). Như vậy, bị cáo phải trả lại cho bà T 11.600.000 đồng.

9. Bà Phạm Thị Mỹ N vay tiền góp 03 lần, mỗi lần vay từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, tổng số tiền góp là 13.000.000 đồng. Theo quy định bà N phải trả cho bị cáo tiền vốn 13.000.000 đồng và tiền lãi 117.808 đồng, bà N đã trả được 11.150.000 đồng (trong đó tiền vốn là 10.750.000 đồng, tiền phí là 400.000 đồng). Như vậy, bà N còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 1.850.000 đồng.

10. Ông Hoàng Nga S vay tiền góp 02 lần, một lần vay 3.000.000 đồng và một lần vay 10.000.000 đồng, tổng số tiền góp là 13.000.000 đồng. Theo quy định ông S phải trả cho bị cáo tiền vốn 13.000.000 đồng và tiền lãi 123.288 đồng, ông S đã trả được 10.250.000 đồng (trong đó tiền vốn là 9.750.000 đồng, tiền phí là 500.000 đồng). Như vậy, ông S còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 2.750.000 đồng.

11. Bà Nguyễn Thị N1 vay tiền góp 01 lần 3.000.000 đồng. Theo quy định bà N1 phải trả cho bị cáo tiền vốn 3.000.000 đồng và tiền lãi 41.096 đồng, bà N1 đã trả được 3.950.000 đồng (trong đó tiền vốn là 3.750.000 đồng, tiền phí là 200.000 đồng). Như vậy, bị cáo phải trả lại cho bà N1 950.000 đồng.

12. Bà Phạm Thị S1 vay tiền góp 01 lần 5.000.000 đồng. Theo quy định bà S1 phải trả cho bị cáo tiền vốn 5.000.000 đồng và tiền lãi 49.315 đồng, bà S1 đã trả được 4.700.000 đồng (trong đó tiền vốn là 4.500.000 đồng, tiền phí là 200.000 đồng).

đồng). Như vậy, bà S1 còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 300.000 đồng.

13. Bà Lê Thị Kim V vay tiền góp 01 lần 10.000.000 đồng. Theo quy định bà V phải trả cho bị cáo tiền vốn 10.000.000 đồng và tiền lãi 21.918 đồng, bà V đã trả được 1.800.000 đồng (trong đó tiền vốn là 1.600.000 đồng, tiền phí là 200.000 đồng). Như vậy, bà V còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 8.200.000 đồng.

Trên địa bàn huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

Đ cho bà Cao Thị Mỹ L2 vay tiền đứng và tiền góp tổng cộng 06 lần, mỗi lần vay từ 30.000.000 đồng đến 110.000.000 đồng, tổng số tiền đứng và tiền góp là 290.000.000 đồng, thu lợi bất chính 76.697.260 đồng (trong đó tiền lãi 68.397.260 đồng, tiền phí 8.300.000 đồng). Riêng ngày 28/10/2020, Đ cho bà L2 “vay nóng” số tiền 110.000.000 đồng, thu lợi bất chính 37.675.342 đồng. Theo quy định bà L2 phải trả cho bị cáo tiền vốn 290.000.000 đồng và tiền lãi 2.602.740 đồng, bà L2 đã trả được 235.300.000 đồng (trong đó tiền vốn là 227.000.000 đồng, tiền phí là 8.300.000 đồng), đối với khoản tiền vay đứng 110.000.000 đồng thì bà L2 chưa trả cho bị cáo. Như vậy, bà L2 còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 54.700.000 đồng.

Trên địa bàn huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:

Đ cho 24 người vay với tổng số tiền 282.000.000 đồng và tùy trường hợp, Đ thu tiền phí mỗi lần vay tiền, từ 100.000 đồng đến 400.000 đồng hoặc không thu phí. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 49.247.291 đồng (trong đó tiền lãi 43.247.291 đồng, tiền phí 6.000.000 đồng), những người vay tiền của Đ gồm:

1. Bà Trần Thị Y vay tiền góp 02 lần, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, tổng số tiền góp là 6.000.000 đồng. Theo quy định bà Y phải trả cho bị cáo tiền vốn 6.000.000 đồng và tiền lãi 82.192 đồng, bà Y đã trả được 7.800.000 đồng (trong đó tiền vốn là 7.500.000 đồng, tiền phí là 300.000 đồng). Như vậy, bị cáo phải trả lại cho bà Y 1.800.000 đồng.

2. Ông P3 vay tiền góp 01 lần 3.000.000 đồng. Theo quy định ông P3 phải trả cho bị cáo tiền vốn 3.000.000 đồng và tiền lãi 29.589 đồng, ông P3 đã trả được 2.800.000 đồng (trong đó tiền vốn là 2.700.000 đồng, tiền phí là 100.000 đồng). Như vậy, ông P3 còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 200.000 đồng.

Trên địa bàn thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:

Đ cho bà Trần Thị P4 vay tiền một lần 5.000.000 đồng, thu lợi bất chính 1.181.507 đồng (không có thu tiền phí). Theo quy định bà P4 phải trả cho bị cáo

tiền vốn 5.000.000 đồng và tiền lãi 68.493 đồng, bà P4 đã trả được 6.250.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải trả lại cho bà P4 1.250.000 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc L: Từ khi cho vay đến ngày 25/11/2020, bị cáo L đã cho 33 người trên địa bàn thị xã Hòa Thành, thành phố Tây Ninh và huyện Châu Thành vay với tổng số tiền cho vay là: 824.000.000 đồng, thu lợi bất chính 237.536.485 đồng (trong đó tiền lãi suất trái phép là 205.886.485 đồng, tiền phí 31.650.000 đồng).

Vào lúc 11 giờ, ngày 25/11/2020, tại quán cà phê “Tình Trăm Năm”, Phạm Đức Đ đang thu tiền cho vay lãi nặng đối với bà Cao Thị Mỹ L2 thì bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tây Ninh cùng Công an phường Long Hoa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bắt quả tang. Quá trình điều tra, ngày 26/11/2020, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Tây Ninh tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Ngọc L. Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Ngọc L, Phạm Đức Đ, Hoàng Văn P thu giữ: Tiền Việt Nam 128.950.000 đồng; 06 quyển sổ cho vay; 4.500 tờ rơi quảng cáo có nội dung “CHO VAY TRẢ GÓP”; 07 điện thoại di động các loại; 05 xe mô tô; 05 thẻ ATM; 06 sổ hộ khẩu; 13 giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân; 03 giấy chứng nhận đăng ký xe.

- Đối với Hoàng Văn P: Từ khi cho vay đến ngày 25/11/2020, Phi đã cho 21 người trên địa bàn thị xã Hòa Thành, huyện Châu Thành, thành phố Tây Ninh vay với tổng số tiền là 143.000.000 đồng, thu lợi bất chính được số tiền là 23.056.682 đồng (trong đó, tiền lãi suất thu được là 16.956.682 đồng, số tiền phí là 6.100.000 đồng) và P chưa có tiền án, tiền sự nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với Nguyễn Thị Thu H là vợ của bị cáo Đ không biết bị cáo Đ cho vay lãi nặng nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Qua xác minh, Phạm Đức Đ và Nguyễn Ngọc L không có tài sản nên không kê biên.

- Trách nhiệm dân sự: Võ Ngọc D, Cao Thị Mỹ L2, Nguyễn Thị A, Nguyễn Thị C, Mai Hải B, Nguyễn Thị Thùy T, Đỗ Thị Linh T, Phan Thị Ngọc A yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền lãi thu vượt mức quy định. Những người còn lại không yêu cầu.

- Quá trình điều tra, Phạm Đức Đ và Nguyễn Ngọc L đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Nguyễn Ngọc L phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm Đức Đ có ông nội là Phạm Văn U được Chính phủ tặng Huy chương kháng chiến; Phạm Đức Đ phạm tội 02 lần trở lên.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 62/2021/HS-ST ngày 08-6-2021 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Đức Đ, Nguyễn Ngọc L phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đức Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 25/11/2020.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc L 06 (sáu) tháng 13 (mười ba) ngày tù. Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và số tiền thu lợi bất chính, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08-6-2021, bị cáo Phạm Đức Đ làm đơn kháng cáo giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về đoàn tụ gia đình, lo cho con nhỏ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm, phúc thẩm đều được thực hiện đúng với trình tự tố tụng theo luật định, hợp pháp.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, trong phần tranh luận, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm; bị cáo Đ khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Đức Đ khai nhận hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, cùng các tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận:

Từ khi cho vay đến ngày 25/11/2020, Phạm Đức Đ và Nguyễn Ngọc L cho nhiều người trên địa bàn thị xã Hòa Thành, thành phố Tây Ninh và các huyện Châu Thành, huyện Tân Châu vay tiền dưới hình thức trả góp hoặc vay nóng với lãi suất từ 182,5%/năm đến 720%/năm (gấp từ 9,125 lần đến 36,5 lần lãi suất quy định), cụ thể: Phạm Đức Đ đã cho vay tổng số tiền 2.429.000.000 đồng, thu lợi bất chính 576.973.791 đồng; Nguyễn Ngọc L cho vay tổng số tiền là 824.000.000 đồng, thu lợi bất chính 237.536.485 đồng. Trong đó, ngày 12/10/2020, Phạm Đức Đ hùn tiền với Nguyễn Ngọc L cho bà Võ Ngọc D vay tổng số tiền 250.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền là 137.181.507 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Đức Đ, Nguyễn Ngọc L về phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng, gây thiệt hại lớn về tài sản cho người vay. Hoạt động cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm, các bị cáo biết nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Đức Đ.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có ông nội là Phạm Văn U được Chính phủ tặng Huy chương kháng chiến. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đ ngoài việc cho vay lãi nặng đối với bà Võ Kim D với số tiền thu lợi bất chính hơn 100.000.000 đồng, bị cáo còn cho vay lãi nặng đối với bà Cao Thị Mỹ L2 với số tiền thu lợi bất chính hơn 30.000.000 đồng nên bị cáo phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Đức Đ 01 (một) năm tù là tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[5] Từ những nhận định nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Đức Đ.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Đức Đ nên bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Phạm Đức Đ;

Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số: 62/2021/HS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2021, của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt bị cáo Phạm Đức Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 25-11-2020.

2. Án phí: Bị cáo Phạm Đức Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. Tỉnh Tây Ninh;
- TAND tx Hòa Thành;
- Công an tx Hòa Thành;
- Chi cục THADS tx Hòa Thành;
- Phòng lý lịch STP. Tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Hữu Chiến

